

Số: 551 /XN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
Mã số mẫu: 0590.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Người lấy mẫu : YS. Luân
Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước TT. Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
Ngày lấy mẫu : 11/8/2020
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)
Lượng mẫu : 1,5L + 250mL
Ngày nhận mẫu : 11/08/2020
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 250mL ,không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	12/08/2020
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	12/08/2020
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,88	2	12/08/2020
4	Clo dư (mg/L)	Phương pháp DPD	0,31	0,3 - 0,5	11/08/2020
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 -Cl ⁻ B - 2017 (*)	70,00	250,00	12/08/2020
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2017 (*)	208,00	300,00	12/08/2020
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2017	0,18	2	11/08/2020
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2017 (*)	3,41	15	11/08/2020
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2017 (*)	0,06	0,3	11/08/2020
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	12/08/2020
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180 - 1996	1,38	50	11/08/2020
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2017 (*)	0,02	3	11/08/2020
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,05	6,5 - 8,5	12/08/2020
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2017	0,08	0,3	11/08/2020
15	Sulphat (mg/L)	EPA 1997 - 375.4	111,4	250	11/08/2020

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 0590.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

Sóc Trăng, ngày 24 tháng 8 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA XN-CDHA-TDCN

[Signature]

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Chlorophyll a (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (1)	0	0	11/08/2020
2	Chlorophyll b (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (2)	0	0	11/08/2020
3	Chlorophyll total (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (3)	0.88	0	11/08/2020
4	Chlorophyll a+b (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (4)	0.91	0.3 - 0.5	11/08/2020
5	Chlorophyll a+b (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (5)	0.91	0.3 - 0.5	11/08/2020
6	Chlorophyll a+b (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (6)	0.91	0.3 - 0.5	11/08/2020
7	Chlorophyll a+b (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (7)	0.91	0.3 - 0.5	11/08/2020
8	Chlorophyll a+b (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (8)	0.91	0.3 - 0.5	11/08/2020
9	Chlorophyll a+b (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (9)	0.91	0.3 - 0.5	11/08/2020
10	Chlorophyll a+b (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (10)	0.91	0.3 - 0.5	11/08/2020
11	Chlorophyll a+b (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (11)	0.91	0.3 - 0.5	11/08/2020
12	Chlorophyll a+b (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (12)	0.91	0.3 - 0.5	11/08/2020
13	Chlorophyll a+b (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (13)	0.91	0.3 - 0.5	11/08/2020
14	Chlorophyll a+b (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (14)	0.91	0.3 - 0.5	11/08/2020
15	Chlorophyll a+b (C/L) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (15)	0.91	0.3 - 0.5	11/08/2020